

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CĐ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP HCM

DANH SÁCH THEO DỜI SINH VIÊN CAO ĐẲNG KHÓA 25 NỢ HỌC PHÍ

Tính đến hết ngày 13 tháng 01 năm 2026

Stt	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp học	Nợ HK Truoc	Tiền thừa HK trước	Số tiền học phí HK2 phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền thừa HK1 đã được PB trừ HP HK2	Số tiền dư đã xuất hóa đơn giảm HP	Số tiền nợ học phí HK2 NH25-26 còn phải nộp	Tổng nợ học phí còn phải nộp đến hết 13/01/26	Tiền thừa học phí được chuyển học kỳ sau
1	506250024	Đinh Tiến	Đạt	CD25CM1			6,930,000	3,960,000			2,970,000	2,970,000	
2	506250026	Võ Xuân	Huy	CD25CM1			9,900,000				9,900,000	9,900,000	
3	506250028	Nguyễn Khôi	Nguyễn	CD25CM1			5,445,000	2,970,000			2,475,000	2,475,000	
4	506250044	Nguyễn Đỗ Trung	Nhân	CD25CM2			8,415,000			495,000	7,920,000	7,920,000	
5	506250187	Nguyễn Trần Vũ	An	CD25CM3			8,415,000		495,000		7,920,000	7,920,000	
6	506250281	Trần Ngọc	Đạt	CD25CM3			8,415,000	990,000	495,000	49,500	6,880,500	6,880,500	
7	506250116	Nguyễn Minh	Khải	CD25CM3			6,930,000		495,000		6,435,000	6,435,000	
8	506250315	Bùi Nguyễn Nhật	Khôi	CD25CM3			9,405,000		495,000		8,910,000	8,910,000	
9	506250216	Nguyễn Hoàng Anh	Kiệt	CD25CM3			8,415,000		495,000		7,920,000	7,920,000	
10	506250314	Hoàng Hải	Nam	CD25CM3			8,415,000		495,000		7,920,000	7,920,000	
11	501250146	Trần Nguyễn Nhật	Tân	CD25CM3			8,415,000		495,000		7,920,000	7,920,000	
12	506250248	Phan Văn	Vũ	CD25CM3			6,930,000		495,000		6,435,000	6,435,000	
13	506250406	Võ Nguyễn Đức	Anh	CD25CM4			8,910,000	6,930,000	495,000		1,485,000	1,485,000	
14	506250511	Lê Phát	Đạt	CD25CM4			5,940,000		495,000		5,445,000	5,445,000	
15	506250432	Đặng Công	Hiếu	CD25CM4			9,900,000		495,000		9,405,000	9,405,000	
16	506250438	Nguyễn Phạm Gia	Huy	CD25CM4			6,930,000		495,000		6,435,000	6,435,000	
17	506250512	Nguyễn Đăng	Khoa	CD25CM4			9,900,000		495,000		9,405,000	9,405,000	
18	506250419	Nguyễn Ngọc	Thiên	CD25CM4			8,415,000		495,000		7,920,000	7,920,000	
19	501250117	Trần Vũ Giang	Anh	CD25CT_CLC			13,167,000				13,167,000	13,167,000	
20	501250397	Phan Tạ Hữu	Đức	CD25CT_CLC			13,167,000				13,167,000	13,167,000	
21	501250440	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	CD25CT_CLC			13,167,000				13,167,000	13,167,000	
22	506250495	Châu Tuấn	Kiệt	CD25CT_CLC			13,167,000	10,395,000			2,772,000	2,772,000	
23	501250285	Huỳnh Mạnh	Quân	CD25CT_CLC			13,167,000				13,167,000	13,167,000	
24	501250392	Trần Nhật	Tân	CD25CT_CLC			13,167,000				13,167,000	13,167,000	
25	501250422	Lý Trí	Vinh	CD25CT_CLC			7,623,000				7,623,000	7,623,000	
26	501250013	Đặng Gia	Huy	CD25CT1			8,910,000				8,910,000	8,910,000	

Stt	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp học	Nợ HK Truoc	Tiền thừa HK trước	Số tiền học phí HK2 phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền thừa HK1 đã được PB trừ HP HK2	Số tiền dư đã xuất hóa đơn giảm HP	Số tiền nợ học phí HK2 NH25-26 còn phải nộp	Tổng nợ học phí còn phải nộp đến hết 13/01/26	Tiền thừa học phí được chuyển học kỳ sau
27	501250033	Đinh Trọng	Huy	CD25CT1			6,930,000				6,930,000	6,930,000	
28	501250032	Đỗ Nguyễn Hoàng	Lâm	CD25CT1			8,910,000				8,910,000	8,910,000	
29	501250005	Thái Kiến	Minh	CD25CT1			8,910,000				8,910,000	8,910,000	
30	501250002	Nguyễn Tấn	Nhã	CD25CT1			8,910,000				8,910,000	8,910,000	
31	501250022	Nguyễn Minh	Triệu	CD25CT1			8,910,000				8,910,000	8,910,000	
32	506250008	Trần Như	Ý	CD25CT1			8,910,000				8,910,000	8,910,000	
33	501250157	Nguyễn	Đạt	CD25CT11			9,900,000		990,000		8,910,000	8,910,000	
34	501250588	Lê Anh	Đô	CD25CT11			8,415,000	4,455,000			3,960,000	3,960,000	
35	517250094	Trịnh Thanh	Đồng	CD25CT11			7,425,000		990,000		6,435,000	6,435,000	
36	501250302	Hồ Ngọc	Hiệu	CD25CT11			5,940,000		1,980,000		3,960,000	3,960,000	
37	501250014	Lâm Minh	Hòa	CD25CT11			8,415,000		990,000		7,425,000	7,425,000	
38	501250042	Nguyễn Hồng	Ngọc	CD25CT11			8,415,000		990,000		7,425,000	7,425,000	
39	501250063	Nguyễn Đức	Phát	CD25CT11			8,415,000		990,000		7,425,000	7,425,000	
40	501250053	Hoàng Trọng	Phú	CD25CT11			8,415,000		990,000		7,425,000	7,425,000	
41	501250036	Hoàng Minh	Trí	CD25CT11			9,900,000		990,000		8,910,000	8,910,000	
42	501250047	Chí Nguyệt	Duy	CD25CT2			5,940,000				5,940,000	5,940,000	
43	501250075	Hoàng Thị Diễm	Ly	CD25CT2			8,910,000	7,425,000			1,485,000	1,485,000	
44	501250087	Lê Minh	Quân	CD25CT2			7,920,000				7,920,000	7,920,000	
45	501250083	Âu Lê Thành	Tài	CD25CT2			6,930,000	4,455,000			2,475,000	2,475,000	
46	501250062	Lê Đình	Ý	CD25CT2			10,890,000				10,890,000	10,890,000	
47	501250152	Nguyễn Minh	Đức	CD25CT3			7,425,000				7,425,000	7,425,000	
48	501250225	Phan Tấn	Được	CD25CT3			5,940,000				5,940,000	5,940,000	
49	501250245	Nguyễn Hà Khả	Hân	CD25CT3			5,940,000				5,940,000	5,940,000	
50	501250177	Lê Phước Minh	Khang	CD25CT3			5,940,000				5,940,000	5,940,000	
51	501250228	Nguyễn Đăng	Khoa	CD25CT3			5,940,000				5,940,000	5,940,000	
52	501250122	Lại Hoàng Đức	Mạnh	CD25CT3			7,425,000				7,425,000	7,425,000	
53	501250267	Trần Văn	Nhật	CD25CT3			8,910,000				8,910,000	8,910,000	
54	501250257	Nguyễn Hoài	Phát	CD25CT3			8,910,000				8,910,000	8,910,000	
55	501250236	Vũ Đức Thành	Phát	CD25CT3			7,425,000				7,425,000	7,425,000	
56	501250247	Trương Thế	Phương	CD25CT3			5,940,000				5,940,000	5,940,000	
57	501250191	Nguyễn Tấn	Tài	CD25CT3			5,940,000				5,940,000	5,940,000	

Stt	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp học	Nợ HK Trước	Tiền thừa HK trước	Số tiền học phí HK2 phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền thừa HK1 đã được PB trừ HP HK2	Số tiền dư đã xuất hóa đơn giảm HP	Số tiền nợ học phí HK2 NH25-26 còn phải nộp	Tổng nợ học phí còn phải nộp đến hết 13/01/26	Tiền thừa học phí được chuyển học kỳ sau
58	501250135	Nguyễn Hoàng Thanh	Tú	CD25CT3			5,940,000				5,940,000	5,940,000	
59	501250325	Trần Vũ	Duy	CD25CT4			8,910,000				8,910,000	8,910,000	
60	501250170	Dương Đình	Hoàng	CD25CT4			8,910,000				8,910,000	8,910,000	
61	501250255	Lưu Đức	Hoàng	CD25CT4			9,900,000				9,900,000	9,900,000	
62	501250127	Trần Quốc	Huy	CD25CT4			8,910,000				8,910,000	8,910,000	
63	501250124	Hoàng Tuấn	Kiệt	CD25CT4			8,910,000				8,910,000	8,910,000	
64	501250401	Nguyễn Tấn	Tài	CD25CT4			8,910,000				8,910,000	8,910,000	
65	501250218	Đại Chí	Thành	CD25CT4			8,910,000				8,910,000	8,910,000	
66	501250107	Huỳnh Văn	Thiện	CD25CT4			8,910,000				8,910,000	8,910,000	
67	501250307	Đỗ Hoàng	Báo	CD25CT5			7,425,000				7,425,000	7,425,000	
68	501250289	Lê Hải	Hoàng	CD25CT5			8,910,000				8,910,000	8,910,000	
69	501250336	Nguyễn Phan Quốc	Hưng	CD25CT5			7,425,000				7,425,000	7,425,000	
70	501250312	Bùi Kim Hoài	Thương	CD25CT5			7,425,000				7,425,000	7,425,000	
71	501250279	Võ Minh	Tú	CD25CT5			8,910,000				8,910,000	8,910,000	
72	501250287	Võ Nam	Tuấn	CD25CT5			7,425,000				7,425,000	7,425,000	
73	501250403	Dương Chí	Bá	CD25CT6			10,395,000	1,485,000	1,485,000	1,460,250	5,964,750	5,964,750	
74	501250564	Trần Thanh	Đạt	CD25CT6			8,910,000		1,485,000		7,425,000	7,425,000	
75	501250402	Hồ Trung	Duy	CD25CT6			7,425,000		1,485,000		5,940,000	5,940,000	
76	501250444	Nguyễn Minh	Hào	CD25CT6			7,425,000		1,485,000		5,940,000	5,940,000	
77	501250384	Nguyễn Hoàng	Hưng	CD25CT6			11,385,000		1,485,000		9,900,000	9,900,000	
78	501250386	Bùi Quách Đình	Nguyên	CD25CT6			8,910,000		1,485,000		7,425,000	7,425,000	
79	501250520	Vương Hồ Bảo	Nhân	CD25CT6			7,425,000		1,485,000		5,940,000	5,940,000	
80	501250349	Nguyễn Công	Ninh	CD25CT6			8,910,000		1,485,000		7,425,000	7,425,000	
81	501250377	Phạm Phú	Sang	CD25CT6			10,395,000		1,485,000		8,910,000	8,910,000	
82	501250396	Tạ Hồng	Sơn	CD25CT6			10,395,000		1,485,000		8,910,000	8,910,000	
83	501250333	Nguyễn Đạt	Thành	CD25CT6			10,395,000		1,485,000		8,910,000	8,910,000	
84	501250539	Bùi Nguyễn Quốc	Thịnh	CD25CT6			10,395,000		1,485,500		8,909,500	8,909,500	
85	501250370	Nguyễn Thu	Uyên	CD25CT6			10,395,000		1,485,000		8,910,000	8,910,000	
86	501250375	Nguyễn Ngọc	Đài	CD25CT7			8,910,000		1,485,000		7,425,000	7,425,000	
87	501250513	Huỳnh Ngọc	Hiếu	CD25CT7			7,425,000		1,485,000		5,940,000	5,940,000	
88	501250420	Huỳnh Thị Nhật	Huyền	CD25CT7			7,425,000		1,485,000		5,940,000	5,940,000	

Stt	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp học	Nợ HK Truoc	Tiền thừa HK trước	Số tiền học phí HK2 phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền thừa HK1 đã được PB trừ HP HK2	Số tiền dư đã xuất hóa đơn giảm HP	Số tiền nợ học phí HK2 NH25-26 còn phải nộp	Tổng nợ học phí còn phải nộp đến hết 13/01/26	Tiền thừa học phí được chuyển học kỳ sau
89	501250445	Lê	Minh	CD25CT7			10,395,000		1,485,000		8,910,000	8,910,000	
90	501250080	Phạm Trần Hoài	Ngọc	CD25CT7			8,910,000		1,485,000		7,425,000	7,425,000	
91	501250355	Ngô Tấn	Phát	CD25CT7			7,425,000		1,485,000		5,940,000	5,940,000	
92	505250268	Phạm Thành	Thắng	CD25CT7			8,415,000		1,980,000		6,435,000	6,435,000	
93	501250558	Lưu Gia	Thịnh	CD25CT7			7,425,000		1,485,000		5,940,000	5,940,000	
94	501250515	Trần Lê Phúc	Thịnh	CD25CT7			8,910,000		1,485,000		7,425,000	7,425,000	
95	501250449	Nguyễn Chân Đức	Vương	CD25CT7			8,910,000		1,485,000		7,425,000	7,425,000	
96	501250326	Mai Văn	Chiên	CD25CT8			7,425,000		1,485,000		5,940,000	5,940,000	
97	501250484	Võ Thành	Danh	CD25CT8			10,395,000		1,485,000		8,910,000	8,910,000	
98	501250524	Nguyễn Trần Việt	Hà	CD25CT8			5,940,000		1,485,000		4,455,000	4,455,000	
99	501250446	Trần Văn	Hiên	CD25CT8			11,880,000		1,485,000		10,395,000	10,395,000	
100	501250430	Lê Nam	Khánh	CD25CT8			10,395,000		1,485,000		8,910,000	8,910,000	
101	501250450	Bùi Thanh	Khoa	CD25CT8			10,395,000		1,485,000		8,910,000	8,910,000	
102	501250413	Trần Đăng	Khoa	CD25CT8			6,930,000		1,485,000		5,445,000	5,445,000	
103	501250407	Võ Hoàng Phúc	Lộc	CD25CT8			10,395,000		1,485,000		8,910,000	8,910,000	
104	501250424	Lê Công	Minh	CD25CT8			10,395,000		1,485,000		8,910,000	8,910,000	
105	501250540	Nguyễn Hải	Nam	CD25CT8			7,425,000		1,485,000		5,940,000	5,940,000	
106	514250421	Phước Hữu	Nghị	CD25CT8			6,930,000	1,485,000			5,445,000	5,445,000	
107	501250508	Huỳnh Tấn	Phát	CD25CT8			10,395,000		1,491,500		8,903,500	8,903,500	
108	501250410	Huỳnh Tấn	Thắng	CD25CT8			7,425,000		1,485,000		5,940,000	5,940,000	
109	501250549	Dương Văn	Thuận	CD25CT8			7,425,000		2,524,500		4,900,500	4,900,500	
110	501250566	Nguyễn Vinh	Toàn	CD25CT8			8,910,000		1,485,000		7,425,000	7,425,000	
111	501250473	Dương Bá	Tùng	CD25CT8			10,395,000		1,485,000		8,910,000	8,910,000	
112	501250595	Lê Trần Tuấn	Anh	CD25CT9			7,920,000		4,455,000		3,465,000	3,465,000	
113	501250602	Nguyễn Nhật	Anh	CD25CT9			7,920,000		312,000		7,608,000	7,608,000	
114	501250604	Lương Nguyễn Hoàng	Huy	CD25CT9			7,920,000		4,455,000		3,465,000	3,465,000	
115	501250574	Ngô Gia	Khánh	CD25CT9			7,920,000		4,455,000		3,465,000	3,465,000	
116	501250592	Đặng Thanh	Toàn	CD25CT9			7,920,000		4,455,000		3,465,000	3,465,000	
117	510250056	Trần Ly	Minh	CD25DH2			5,940,000	2,970,000			2,970,000	2,970,000	
118	510250074	Nguyễn Đình	Tư	CD25DH2	1,485,000		10,395,000			990,000	9,405,000	10,890,000	
119	510250223	Nguyễn Đông	Duy	CD25DH3			9,900,000		495,000		9,405,000	9,405,000	

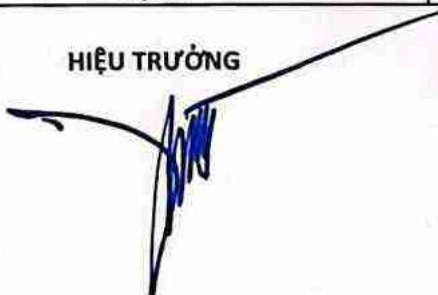
Stt	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp học	Nợ HK Truoc	Tiền thừa HK trước	Số tiền học phí HK2 phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền thừa HK1 đã được PB trừ HP HK2	Số tiền dư đã xuất hóa đơn giảm HP	Số tiền nợ học phí HK2 NH25-26 còn phải nộp	Tổng nợ học phí còn phải nộp đến hết 13/01/26	Tiền thừa học phí được chuyển học kỳ sau
120	510250195	Trịnh Văn	Giang	CD25DH3			8,910,000	7,425,000	495,000		990,000	990,000	
121	510250230	Nguyễn Anh	Minh	CD25DH3			9,900,000		495,000		9,405,000	9,405,000	
122	510250238	Bùi Nguyễn Ngọc	My	CD25DH3			8,415,000	4,455,000	495,000		3,465,000	3,465,000	
123	510250213	Trần Đại	Phước	CD25DH3			9,900,000		495,000		9,405,000	9,405,000	
124	510250239	Dương Thị Ngọc	Quyên	CD25DH3			6,930,000		495,000		6,435,000	6,435,000	
125	510250105	Bùi Nguyễn Chấn	Vĩ	CD25DH3			9,900,000		495,000		9,405,000	9,405,000	
126	510250214	Võ Thiên	An	CD25DH4			8,910,000		495,000		8,415,000	8,415,000	
127	510250134	Phan Kim	Bảo	CD25DH4			9,900,000		495,000		9,405,000	9,405,000	
128	510250311	Phạm Ngọc Minh	Châu	CD25DH4			9,900,000		495,000		9,405,000	9,405,000	
129	510250331	Triệu Mỹ	Dung	CD25DH4			9,900,000	8,415,000	495,000		990,000	990,000	
130	510250113	Nguyễn Minh	Thuận	CD25DH4			9,900,000		495,000		9,405,000	9,405,000	
131	510250310	Hà Mỹ	Uyên	CD25DH4			8,415,000	6,435,000	495,000		1,485,000	1,485,000	
132	510250488	Trần Ngọc	Duy	CD25DH5			5,445,000		495,000		4,950,000	4,950,000	
133	510250353	Nguyễn Thị Mỹ	Hiền	CD25DH5			5,940,000		2,970,000		2,970,000	2,970,000	
134	510250506	Lê Hải	Hiệp	CD25DH5			7,920,000		495,000		7,425,000	7,425,000	
135	510250167	Lê Trường	Khải	CD25DH5			7,425,000	990,000	495,000	49,500	5,890,500	5,890,500	
136	510240262	Võ Tuấn	Khiêm	CD25DH5			8,415,000	2,970,000	2,970,000		2,475,000	2,475,000	
137	510250339	Tăng Minh	Luân	CD25DH5			9,900,000		495,000		9,405,000	9,405,000	
138	510250480	Nguyễn Hữu	Lực	CD25DH5			7,425,000		495,000		6,930,000	6,930,000	
139	510250387	Nguyễn Minh	Thành	CD25DH5			9,900,000		495,000		9,405,000	9,405,000	
140	510250550	Bùi Anh	Thư	CD25DH5			8,415,000		495,000		7,920,000	7,920,000	
141	510250338	Tạ Ngọc Khánh	Vân	CD25DH5			9,900,000		495,000		9,405,000	9,405,000	
142	510250412	Nguyễn Ngọc Thanh	Vĩ	CD25DH5			8,415,000		495,000		7,920,000	7,920,000	
143	510250502	Lê Nguyễn Hoàng	Yến	CD25DH5			5,445,000		495,000		4,950,000	4,950,000	
144	510250619	Nguyễn Thành	Ân	CD25DH6			11,385,000	3,648,000	312,000		7,425,000	7,425,000	
145	510250622	Phạm Thu	Trình	CD25DH6			11,385,000		4,455,000		6,930,000	6,930,000	
146	505250234	Lê Anh	Nam	CD25DT1			6,435,000		1,980,000		4,455,000	4,455,000	
147	505250264	Nguyễn Bảo	Thiên	CD25DT1			4,950,000		1,980,000		2,970,000	2,970,000	
148	505250381	Lâm Gia	Bảo	CD25DT2			6,435,000		1,980,000		4,455,000	4,455,000	
149	505250416	Phạm Minh	Duy	CD25DT2			4,950,000		1,980,000		2,970,000	2,970,000	
150	505250509	Phan Nhật	Hào	CD25DT2			8,910,000		1,980,000		6,930,000	6,930,000	

Stt	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp học	Nợ HK Truoc	Tiền thừa HK trước	Số tiền học phí HK2 phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền thừa HK1 đã được PB trừ HP HK2	Số tiền dư đã xuất hóa đơn giảm HP	Số tiền nợ học phí HK2 NH25-26 còn phải nộp	Tổng nợ học phí còn phải nộp đến hết 13/01/26	Tiền thừa học phí được chuyển học kỳ sau
151	505250379	Nguyễn Xuân	Lâm	CD25DT2			7,920,000		1,980,000		5,940,000	5,940,000	
152	505250500	Nguyễn Minh	Tấn	CD25DT2			7,920,000		1,980,000		5,940,000	5,940,000	
153	508250554	Nguyễn Thanh	Bảo	CD25KT3			7,920,000		495,000		7,425,000	7,425,000	
154	511250004	Lê Việt	Sơn	CD25LG1			6,435,000				6,435,000	6,435,000	
155	511250007	Phạm Ngọc	Tiến	CD25LG1			4,950,000				4,950,000	4,950,000	
156	507250209	Đình Trần Thành	Phát	CD25LG3			7,920,000		495,000		7,425,000	7,425,000	
157	514250037	Lê Đức Anh	Tuấn	CD25LM2			8,910,000				8,910,000	8,910,000	
158	514250301	Nguyễn Dương Bảo	Nghi	CD25LM3			7,425,000		990,000		6,435,000	6,435,000	
159	514250168	Lê Võ Trí	Thiện	CD25LM3			1,485,000				1,485,000	1,485,000	
160	514250150	Nguyễn Minh	Tiến	CD25LM3			8,910,000				8,910,000	8,910,000	
161	514250553	Bùi Gia	Đạt	CD25LM4			7,425,000				7,425,000	7,425,000	
162	514250249	Trần Gia	Huy	CD25LM4			7,425,000				7,425,000	7,425,000	
163	514250435	Huỳnh Chí	Lin	CD25LM4			7,920,000				7,920,000	7,920,000	
164	501250556	Phan Thị Anh	Thư	CD25LM4			7,425,000	4,455,000	1,485,000		1,485,000	1,485,000	
165	512250009	Nguyễn Phước Quốc	Khánh	CD25MK1			7,425,000				7,425,000	7,425,000	
166	507250001	Đào Tấn	Lộc	CD25MK1			7,425,000	5,940,000			1,485,000	1,485,000	
167	512250019	Huỳnh Thanh	Ngân	CD25MK1	2,970,000		7,425,000				7,425,000	10,395,000	
168	512250021	Nguyễn Anh	Nguyễn	CD25MK1			7,425,000				7,425,000	7,425,000	
169	507250066	Phạm Chí	Bảo	CD25MK2			5,940,000				5,940,000	5,940,000	
170	512250058	Võ Thương	Tính	CD25MK2			5,940,000				5,940,000	5,940,000	
171	512250254	Dương Tôn	Bảo	CD25MK3			7,425,000		495,000		6,930,000	6,930,000	
172	512250288	Phạm Tấn	Đạt	CD25MK3			7,425,000		495,000		6,930,000	6,930,000	
173	507250298	Võ Thị Tuyết	Ngân	CD25MK3			7,425,000		495,000		6,930,000	6,930,000	
174	512250137	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	CD25MK3			7,425,000		495,000		6,930,000	6,930,000	
175	501250202	Nguyễn Chánh	Đức	CD25MK4			10,395,000	8,910,000			1,485,000	1,485,000	
176	512250529	Huỳnh Quốc	Nguyễn	CD25MK4			7,425,000	5,940,000	495,000		990,000	990,000	
177	507250337	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	CD25MK4			7,425,000		495,000		6,930,000	6,930,000	
178	512250537	Nguyễn Cao Phương	Vy	CD25MK4			7,425,000		495,000		6,930,000	6,930,000	
179	512250616	Nguyễn Tấn Gia	Bảo	CD25MK5			9,900,000		4,455,000		5,445,000	5,445,000	
180	512250606	Hồ Huy	Hoàng	CD25MK5			10,395,000		4,455,000		5,940,000	5,940,000	
181	512250615	Trịnh Yến	Nhi	CD25MK5			8,910,000		4,455,000		4,455,000	4,455,000	

Stt	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp học	Nợ HK Truoc	Tiền thừa HK trước	Số tiền học phí HK2 phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền thừa HK1 đã được PB trừ HP HK2	Số tiền dư đã xuất hóa đơn giảm HP	Số tiền nợ học phí HK2 NH25-26 còn phải nộp	Tổng nợ học phí còn phải nộp đến hết 13/01/26	Tiền thừa học phí được chuyển học kỳ sau
182	512250626	Nguyễn Gia	Bảo	CD25MK6			7,425,000		6,930,000		495,000	495,000	
183	512250624	Thái Thành	Đạt	CD25MK6			7,425,000		6,930,000		495,000	495,000	
184	512250620	Hoàng Anh	Hậu	CD25MK6			10,395,000		6,930,000		3,465,000	3,465,000	
185	512250635	Nguyễn Thị	Nguyệt	CD25MK6	4,643,000		7,425,000				7,425,000	12,068,000	
186	501250586	Lưu Bình	Quý	CD25MK6			10,395,000		6,930,000		3,465,000	3,465,000	
187	507250561	Nguyễn Tiến Minh	Huy	CD25QT4			10,395,000	6,930,000	495,000		2,970,000	2,970,000	
188	501250040	Nguyễn Minh	Duy	CD25TD1			10,890,000			990,000	9,900,000	9,900,000	
189	507250041	Lê Đình	Kha	CD25TD1			7,920,000	2,970,000			4,950,000	4,950,000	
190	513250340	Nguyễn Thị	Ngân	CD25TD1			9,405,000		495,000		8,910,000	8,910,000	
191	507250029	Nguyễn Đoàn	Sony	CD25TD1			7,920,000	6,435,000			1,485,000	1,485,000	
192	501250282	Trần Thị Ngọc	Trâm	CD25TD1			4,950,000				4,950,000	4,950,000	
193	513250219	Ngô Nhật	Trình	CD25TD1			7,920,000		495,000		7,425,000	7,425,000	
194	513250296	Triệu Quang	Tuấn	CD25TD1			7,920,000		495,000		7,425,000	7,425,000	
195	513250563	Đặng Phương	Hồng	CD25TD2			9,405,000		495,000		8,910,000	8,910,000	
196	513250605	Lê Thanh	Phát	CD25TD3			10,890,000		4,455,000		6,435,000	6,435,000	
197	501250286	Lê Khắc Đại	Quý	CD25TD3			9,405,000		495,000		8,910,000	8,910,000	
198	502250049	Võ Nhật	Phượng	CD25TM2			6,930,000	2,970,000		372,000	3,588,000	3,588,000	
199	502250521	Đinh Công	Hoà	CD25TM4			4,950,000		2,970,000		1,980,000	1,980,000	
200	502250522	Trịnh Thanh	Phong	CD25TM4			8,415,000				8,415,000	8,415,000	
201	502250575	Ngô Nguyễn Thành	Tâm	CD25TM4			6,930,000				6,930,000	6,930,000	
202	517250031	Trần Lê Hồng	Thanh	CD25TT1			4,455,000	2,970,000		990,000	495,000	495,000	
203	517250077	Hồ Như	Ngọc	CD25TT2			7,425,000	4,455,000		495,000	2,475,000	2,475,000	
204	517250048	Lý Trần Ngọc Anh	Thư	CD25TT2			2,970,000				2,970,000	2,970,000	
205	517250129	Nguyễn Thị Kim	Anh	CD25TT3			7,425,000		495,000		6,930,000	6,930,000	
206	517250259	Tống Thị Bích	Như	CD25TT3			7,425,000		495,000		6,930,000	6,930,000	
207	517250294	Nguyễn Hồng	Quân	CD25TT3			7,425,000		495,000		6,930,000	6,930,000	
208	517250378	Nguyễn Thị Thủy	Trâm	CD25TT3			7,425,000		495,000		6,930,000	6,930,000	
209	517250222	Lê Thị Kiều	Trang	CD25TT3			7,425,000		495,000		6,930,000	6,930,000	
210	517250098	Trần Thị Tú	Uyên	CD25TT3			7,425,000		495,000		6,930,000	6,930,000	
211	512250156	Nguyễn Trần Thảo	Vy	CD25TT3			7,425,000		495,000		6,930,000	6,930,000	
212	517250380	Trần Ngọc Như	Ý	CD25TT3			5,940,000		495,000		5,445,000	5,445,000	

Stt	MSSV	Họ đệm	Tên	Lớp học	Nợ HK Truoc	Tiền thừa HK trước	Số tiền học phí HK2 phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền thừa HK1 đã được PB trừ HP HK2	Số tiền dư đã xuất hóa đơn giảm HP	Số tiền nợ học phí HK2 NH25-26 còn phải nộp	Tổng nợ học phí còn phải nộp đến hết 13/01/26	Tiền thừa học phí được chuyển học kỳ sau
213	517250466	Cao Hoàng	Long	CD25TT4			7,920,000	2,970,000	495,000		4,455,000	4,455,000	
214	517250335	Phan Đỗ Hải	Trọng	CD25TT4			7,425,000		495,000		6,930,000	6,930,000	
215	518250039	Nguyễn Trung	Hiếu	CD25TW2			10,395,000				10,395,000	10,395,000	
216	518250523	Nguyễn Đức	Duy	CD25TW4			8,910,000				8,910,000	8,910,000	
217	501250612	K Thị	My	CD25TW5			6,930,000		4,455,000		2,475,000	2,475,000	
218	518250611	K Thị	Thủy	CD25TW5			11,385,000		4,455,000		6,930,000	6,930,000	
SINH VIÊN THỪA TIỀN HỌC PHÍ CHUYỂN HỌC KỲ SAU													
219	501250627	Nguyễn Cao Hoài	Anh	CD25CT10		1,980,000	4,950,000		4,950,000				1,980,000
220	501250628	Hà Gia	Bảo	CD25CT10		1,980,000	4,950,000		4,950,000				1,980,000
221	501250631	Vũ Thanh	Hoàng	CD25CT10		1,980,000	4,950,000		4,950,000				1,980,000
222	501250633	Nguyễn Bùi Minh	Hoàng	CD25CT10		1,980,000	4,950,000		4,950,000				1,980,000
223	501250625	Lương Tuấn	Phát	CD25CT10		1,980,000	4,950,000		4,950,000				1,980,000
224	501250634	Đoàn Xuân	Sơn	CD25CT10		1,980,000	4,950,000		4,950,000				1,980,000
225	501250597	Võ Trần Thế	Toàn	CD25CT11		14,355,000	5,940,000		5,940,000				14,355,000
226	510250142	Phạm Nguyễn Thủy	Vy	CD25DH3		1,980,000	7,425,000		7,425,000				1,980,000
227	510250441	Mai Nguyễn Minh	Thy	CD25DH5		9,899,800	8,415,000		8,415,000				9,899,800
CỘNG					9,098,000.	38,114,800.	1,856,745,000.	132,843,000.	251,645,500.	5,891,250.	1,466,365,250.	1,475,463,250.	38,114,800.

HIỆU TRƯỞNG



KẾ TOÁN TRƯỞNG



LẬP BẢNG



Lưu Thị Thanh Nhân